

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM ĐỘNG
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29.01.2021

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG - TỈNH HƯNG YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Trung Dũng và bà Vũ Thị Liên.

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Phạm Thị Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Động.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Yên- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Hoàng Thị P, sinh năm 1995.

2. Bị đơn: anh Hoàng Văn T, sinh năm 1991.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: cháu Hoàng Yến N, sinh ngày 06/8/2014, cháu Hoàng Duy K, sinh ngày 10/6/2016 và cháu Hoàng Hà V, sinh ngày 17/7/2018.

- Người đại diện theo pháp luật cho cháu N, K và V: chị Hoàng Thị P và anh Hoàng Văn T

Đều nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- Người trợ giúp pháp lý cho cháu N, K, V: bà Phạm Thị T, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên.

4. Người làm chứng: ông Hoàng Xuân B, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn là chị Hoàng Thị P trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Hoàng Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Kim Động vào ngày 10/9/2013. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi, chị và anh T về chung sống cùng với bố, mẹ anh T tại thôn A, xã T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau thường xuyên xảy ra bất đồng trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Anh T không quan tâm gì đến vợ, con suốt ngày đi chơi và uống rượu với bạn bè. Chị có khuyên bảo nhưng anh T không nghe, anh T uống rượu say thì hay mắng chửi và đánh chị. Anh T cũng không chịu khó đi làm và giúp đỡ chị trong việc chăm lo cho con cái ăn uống hàng ngày. Do chị nghĩ đến các con còn nhỏ nên đã cố gắng để chịu đựng để không làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình nhưng anh T đã cố tình không hiểu và vẫn không quan tâm gì đến gia đình. Từ tháng 8/2020, chị và anh T đã sống ly thân nhau và đến tháng 9/2020 chị và anh T đã yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa chị và anh T, quá trình giải quyết việc dân sự do chị và anh T chưa thống nhất với nhau được về người nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nên chị và anh T đã rút đơn yêu cầu về để vợ chồng thỏa thuận với nhau về phần con chung và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết việc dân sự. Sau khi chị rút đơn yêu cầu về thì vợ chồng vẫn sống ly thân nhau và không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh T không còn, do đó chị kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để sớm được ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: vợ chồng chị có 03 con chung là: Hoàng Yên N, sinh ngày 06/8/2014; Hoàng Duy K, sinh ngày 10/6/2016 và Hoàng Hà V, sinh ngày 17/7/2018. Hiện nay cháu N và cháu K đang ở với anh T, cháu V đang ở cùng với chị P. Vợ chồng ly hôn, chị P đề nghị giao cháu N và cháu K cho anh T nuôi dưỡng, chị xin nhận nuôi dưỡng cháu V. Anh T không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung, chị nhất trí.

Về tài sản: chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Hoàng Văn T trình bày về thời điểm đăng ký kết hôn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như chị P đã trình bày trên. Anh T xác định tháng 9/2020, anh và chị P đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án và vợ chồng đã tự nguyện ly hôn nhưng do anh và chị P chưa thống nhất với nhau về việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn nên anh và chị P đã rút đơn yêu cầu. Hiện tại anh và chị P đang sống ly thân nhau và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị P tiếp tục đề nghị Tòa án giải quyết cho chị P ly hôn với anh, anh xác định vợ chồng không còn tình cảm nên nhất trí ly hôn với chị P.

+ Về con chung: anh T trình bày về con chung như chị P đã trình bày trên.

Anh đề nghị, nếu anh và chị P ly hôn anh xin được nuôi cả 03 con chung vì anh không muốn chia tách các con mỗi người một nơi. Anh không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng là ông Hoàng Xuân B (bố đẻ chị P) xác định anh T và chị P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân do anh T không chịu làm ăn và không quan tâm gì đến vợ con. Hiện tại chị P và anh T đang sống ly thân nhau, chị Phương đang nuôi cháu V, cháu N và cháu K đang ở với anh T. Nếu chị P, anh T ly hôn đề nghị Tòa án giao cháu V cho chị P nuôi dưỡng, gia đình ông đảm bảo tạo điều kiện và kết hợp cùng chị P nuôi dưỡng trông nom cháu V.

UBND xã Toàn Thắng cung cấp: anh T và chị P có đăng ký kết hôn tại UBND xã vào ngày 10/9/2013. Quá trình chung sống anh, chị có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương không nắm được nhưng có biết việc tháng 9/2020 chị P và anh T có làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhưng sau đó chị P đã rút đơn về. Nay chị P tiếp tục đề nghị Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn với anh T. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và đề nghị được nuôi dưỡng cháu V vì cháu còn quá nhỏ tuổi nên rất cần sự chăm sóc và nuôi dưỡng của chị.

Anh T nhất trí thuận tình ly hôn, có nguyện vọng được nuôi 03 con chung và tự nguyện không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Người bảo vệ quyền lợi cho các cháu N, K, V là bà Phạm Thị T trình bày: Hiện nay các cháu N, K đang ở với anh T, cháu V đang ở với chị P. Chị P và anh T đều đảm bảo việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Cháu V tính đến ngày xét xử dưới 36 tháng tuổi. Đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình giao cháu N và cháu K cho anh T nuôi dưỡng; giao cháu V cho chị P nuôi dưỡng; chị P và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị Phương và anh T có quyền thom nom con chung không ai được cản trở.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Động theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung của vụ án: Đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 51; 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị P và đề nghị xử:

- Về tình cảm vợ chồng: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị P và anh Hoàng Văn T.

- Về con chung: chị P có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu V. Anh T xin được nuôi dưỡng cả 3 con chung. Xét thấy, cháu V còn nhỏ tuổi nên rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ nên đề nghị HĐXX giao cháu V cho chị P nuôi dưỡng. Đối với cháu K và N, do chị P và anh T không có sự tranh chấp về việc nuôi dưỡng nên đề nghị Tòa án giao cháu K và N cho anh T được nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị P, anh T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: chị P, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: chị P phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Về tố tụng: chị Hoàng Thị P khởi kiện xin ly hôn anh Hoàng Văn T có nơi cư trú tại thôn A, xã T, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Động theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 10/9/2013. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống và do anh T không quan tâm đến chị P và các con. Tháng 9/2020 chị P và anh T đã yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn nhưng do chị và anh T không thỏa thuận được về người nuôi dưỡng con chung sau ly hôn nên anh, chị đã rút đơn yêu cầu, Tòa án đã ra quyết định đình chỉ việc xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự số 23/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/9/2020. Sau khi rút đơn yêu cầu, anh T và chị P không về chung sống với nhau. Đến nay cả anh T, chị P đều xác định không còn tình cảm và không thể về chung sống với nhau được nữa, chị P tiếp tục đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, anh T cũng nhất trí ly hôn. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị P, anh T thuận tình ly hôn là tự nguyện, không bị ép buộc và không trái pháp luật nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị P và anh T là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: chị P, anh T có 03 con chung là Hoàng Yến N, sinh ngày 06/8/2014, Hoàng Duy K, sinh ngày 10/6/2016 và Hoàng Hà V, sinh ngày

17/7/2018. Hiện nay cháu N và cháu K đang ở với anh T, cháu V đang ở cùng với chị P. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải, chị P và anh T không thỏa thuận được với nhau về việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Chị P có nguyện vọng giao hai cháu N và K cho anh T nuôi dưỡng và xin được nuôi dưỡng cháu V. Anh T xin được nuôi dưỡng cả 3 cháu N, K và V, với lý do không muốn các con phải sống xa nhau.

Xét thấy, hiện nay anh T đang trực tiếp nuôi cháu N và cháu K, chị P nhất trí giao hai cháu N và K cho anh T nuôi dưỡng nên giao hai cháu N và K cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên. Cháu V còn nhỏ, tuổi tính đến ngày xét xử thì cháu V dưới 36 tháng tuổi, cháu rất cần sự chăm sóc của người mẹ, hiện nay cháu đang ở ổn định với chị P, do vậy giao cho chị P được tiếp tục nuôi cháu V cho đến khi cháu thành niên; chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con, là phù hợp quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

4]. Về tài sản: chị P và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: chị P phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị P và anh Hoàng Văn T.

Về con chung: giao cho chị Hoàng Thị P được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hoàng Hà V, sinh ngày 17/7/2018 đến khi cháu V thành niên; giao cho anh Hoàng Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hoàng Yến N, sinh ngày 06/8/2014 và cháu Hoàng Duy K, sinh ngày 10/6/2016, đến khi các cháu thành niên. Chị P, anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Chị P, anh T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị P phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001894 ngày 23/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Động. Chị P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: chị P; anh T; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các cháu Hoàng Yên N, Hoàng Duy K, Hoàng Hà V, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (Phòng KTNV & THAHS);
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã T.
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các cháu N, K, V
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Oanh